

CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN Ở NƯỚC TA HIỆN NAY: KHÍA CẠNH MÔI TRƯỜNG SỐNG

NGUYỄN ĐÌNH HOÀ (*)

Ngay càng có nhiều hơn những căn cứ vững chắc, cả về lý luận lẫn thực tiễn, để khẳng định rằng công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn là *một bộ phận, một nội dung quan trọng* của tiến trình hiện đại hoá ở các nước đang phát triển. Về vấn đề này, ở Việt Nam, Đại hội lần thứ IX của Đảng đã chỉ rõ: trong công cuộc đổi mới đất nước, chúng ta cần phải “tăng cường sự chỉ đạo và huy động các nguồn lực cần thiết để đẩy nhanh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp và nông thôn”(1).

Quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn ở nước ta đã mở ra một giai đoạn phát triển mới với những bước đột phá, góp phần tạo nên những sắc thái mới trong đời sống kinh tế - xã hội của khu vực rộng lớn này. Sự tác động tích cực của quá trình đó đã và đang phá vỡ dần tính chất “thuần nông”, tính chất khép kín, biệt lập - những đặc trưng vốn có của nền kinh tế nông thôn và mô hình làng xã truyền thống. Trong các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội, bên cạnh những giá trị truyền thống tốt đẹp, đã có sự hiện diện phổ biến của nhiều yếu tố hiện đại, biểu hiện một khuynh hướng phát triển tích cực và tiến bộ.

Tuy nhiên, ngoài những thành tựu quan trọng trên đây, quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá cũng tạo nên sức ép to lớn đối với *môi trường sống* ở khu vực này.

Như chúng ta đã biết, tự nhiên vốn là một chỉnh thể thống nhất, bao gồm nhiều

yếu tố có quan hệ chặt chẽ và tác động lẫn nhau. Điều đó quy định *tính chất phản ứng dây chuyền* của môi trường tự nhiên diễn ra khi sự tác động vào một yếu tố nào đó trong hệ thống lớn hơn giới hạn chịu đựng tự nhiên của nó. Chính tính chất này khiến cho những vấn đề môi trường sống nảy sinh do tác động của con người càng trở nên phức tạp hơn và có thể để lại nhiều hậu quả nghiêm trọng hơn. Trên thực tế, một vấn đề môi trường sống này có thể là kết quả nảy sinh từ một vấn đề môi trường liên quan khác; đồng thời, nó cũng là nguyên nhân dẫn đến sự xuất hiện của một vấn đề môi trường mới. Với nhãn quan biện chứng, coi trong giới tự nhiên không có cái gì xảy ra một cách đơn độc cả, Ph.Ăngghen đã từng cảnh báo rằng, con người không nên quá tự hào về thắng lợi của mình đối với giới tự nhiên, bởi vì, tới một lúc nào đó, nó có thể gây ra *những tác dụng hoàn toàn khác hẳn, không lường trước được*(2). Tiên đoán khoa học vượt trước thời đại đó của ông vẫn giữ nguyên giá trị và có ý nghĩa vô cùng to lớn, đặc biệt là trong hoàn cảnh hiện nay, khi mà con người đang cố gắng sửa chữa những

(*) Tiến sĩ triết học, Viện Triết học.

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 92.

(2) Xem: C.Mác và Ph.Ăngghen. *Toàn tập*, t. 20. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1994, tr. 654.

sai lầm do sự thái quá trong hành vi “chinh phục tự nhiên” của mình.

Có thể khẳng định rằng, những vấn đề về môi trường sống nảy sinh trong quá trình phát triển nông nghiệp, nông thôn ở Việt Nam hiện nay đang ngày càng trở lên phức tạp, cả về quy mô và tính chất. Nếu không được giải quyết kịp thời và có hiệu quả, sự tác động của chúng sẽ gây ra những hậu quả nghiêm trọng, cản trở quá trình phát triển bền vững và trước mắt, có thể ảnh hưởng trở lại mục tiêu phát triển nông nghiệp, nông thôn. Những vấn đề về môi trường sống dưới sức ép của quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn có thể được nhận diện trên một số khía cạnh sau:

Một là, nguy cơ cạn kiệt một số nguồn tài nguyên quan trọng liên quan trực tiếp đến các hoạt động sản xuất và dân sinh của khu vực này. Sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá càng phát triển thì tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt được càng cao, song lượng tài nguyên được huy động cũng ngày càng lớn. Thực tế cho thấy, do đẩy mạnh tốc độ khai thác gỗ và mở rộng diện tích đất nông nghiệp, rừng Việt Nam đã bị tàn phá nặng nề. Có lúc, có nơi, độ che phủ của rừng đã tiệm cận đến mức báo động. Trong thời gian gần đây, nhờ thực hiện chủ trương trồng rừng, phủ xanh đất trống đồi trọc..., diện tích đất đai có rừng che phủ được cải thiện và nâng cao (từ 28% năm 1992 lên 35,8% năm 2002). Tuy nhiên, rừng trồng mới ít có giá trị lớn, bởi vì, ngoài việc tốn kém về vật chất và thời gian, rừng trồng khó có khả năng tái tạo lại một hệ động, thực vật phong phú, đa dạng như rừng tự nhiên. Theo báo cáo của Chính phủ trình tại kỳ họp thứ 5 Quốc hội khoá XI, tình trạng phá rừng khai thác gỗ trái phép đã phần nào được hạn chế, song vẫn chưa được giải quyết một cách triệt để. Tại nhiều địa phương, hiện tượng phá rừng lấy gỗ, mặt bằng khai thác khoáng sản, mở rộng diện tích canh tác nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản... vẫn xảy ra liên tục.

Sự cạn kiệt và suy giảm của tài nguyên rừng đã trực tiếp tác động xấu đến các nguồn tài nguyên quý giá khác, như làm xói mòn, bạc màu đất đai, không có khả năng điều hoà và giữ nước. Đặc biệt, trong thời gian gần đây, các “tai biến địa chất”, “sự cố môi trường” xảy ra do mất rừng có xu hướng tái xuất hiện nhiều lần ở những phạm vi nhất định và với tần suất xấp xỉ 20 lần so với giai đoạn trước 1970.

Tài nguyên đất đai cũng đang bị sử dụng lãng phí, thu hẹp và giảm sút về mặt chất lượng. Cho đến nửa cuối thập kỷ 90, hầu hết quỹ đất canh tác ở các vùng lãnh thổ đã được khai thác triệt để. Trong khi đó, một lượng diện tích đáng kể đất nông nghiệp đã và sẽ tiếp tục được chuyển đổi mục đích sử dụng do nhu cầu phát triển của công nghiệp hoá, hiện đại hoá, như xây dựng nhà máy, khu công nghiệp, hạ tầng cơ sở, nhà ở... Chẳng hạn, theo dự kiến quy hoạch mới, đến năm 2010, diện tích đất nông nghiệp của Thành phố Hà Nội chỉ còn chiếm 36,3% (năm 2000 là 47,4% và năm 2005 là khoảng 41,7%), đất chuyên dùng sẽ chiếm 32,3% (năm 2000 là 22,3% và năm 2005 khoảng 28,2%), đất đô thị sẽ chiếm 6,4% (năm 2000 là 3,1% và năm 2005 khoảng 4,3%)(3). Một kết quả nghiên cứu cho thấy, bình quân hàng năm sẽ tăng thêm cho quỹ đất đô thị của cả nước khoảng 170.000 ha, trong đó có khoảng 100.000 ha đất nông nghiệp loại tốt (bằng 1,4% tổng diện tích đất nông nghiệp)(4). Việc chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất đai là một nhu cầu tất yếu do sự phát triển của công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn và nó có thể mang lại những giá trị kinh tế lớn gấp nhiều lần so với lối khai thác truyền thống (canh tác nông nghiệp). Tuy nhiên, những người nông

(3) Xem: Báo Lao động, ngày 5 - 5 - 2004.

(4) Xem: Bộ Khoa học - công nghệ - môi trường, Cục Môi trường. *Tuyển tập báo cáo khoa học tại Hội nghị môi trường toàn quốc năm 1998*. Nxb Khoa học kỹ thuật, Hà Nội, 1999, tr.268.

dân không còn đất đai để canh tác sẽ làm gì để duy trì và ổn định cuộc sống, trong khi việc chuyển đổi nghề nghiệp, lĩnh vực sản xuất kinh doanh lại đòi hỏi có thời gian và những tiền đề cần thiết khác ngoài tầm tay của họ? Mặt khác, những vấn đề môi trường phát sinh trong tương lai do sự thay đổi hệ sinh thái tự nhiên, do chất thải sản xuất và sinh hoạt của con người... sẽ được giải quyết như thế nào, trong khi việc khắc phục những vấn đề môi trường hiện tại vẫn chưa triệt để và thật sự có hiệu quả? Đó là những vấn đề kinh tế - xã hội và môi trường không thể xem nhẹ trong quá trình phát triển.

Những hoạt động sản xuất nông nghiệp cũng là tác nhân đáng kể làm suy giảm chất lượng đất đai. Việc sử dụng các phương tiện máy móc trên những vùng đất dốc, canh tác không hợp lý, xu hướng ứng dụng đại trà các giống mới ngắn ngày, năng suất cao đòi hỏi phải bón nhiều phân hoá học, chất kích thích tăng trưởng... có thể khiến cho đất đai bị vất kiệt, nhất là các nguyên tố vi lượng, làm tăng mức độ suy thoái chất lượng đất, hạn chế khả năng tái sử dụng đất, giảm mức độ phát triển bền vững của hoạt động kinh tế tương ứng. Hơn 100 năm trước, khi đánh giá về *những mặt trái* của nền nông nghiệp tư bản chủ nghĩa, C.Mác cho rằng, mỗi bước tiến của nền nông nghiệp tư bản chủ nghĩa không những là một bước tiến trong nghệ thuật bóc lột công nhân, mà còn là một bước tiến trong nghệ thuật *bóc lột đất đai*.

Theo các tiêu chí về mức đảm bảo nước của thế giới, Việt Nam chưa khi nào nằm trong danh sách các quốc gia thiếu nước hay hiếm nước. Việc khai thác, sử dụng nguồn tài nguyên này còn rất lãng phí. Hệ thống thuỷ lợi đôi lúc không phát huy tác dụng tích cực, thậm chí còn tiềm ẩn những ảnh hưởng xấu như gây cạn kiệt nguồn nước dự trữ ở các khu vực khô... Chỉ tính riêng trong sản xuất nông nghiệp, lượng nước mặt khai thác hàng năm dùng để tưới cho mùa màng

không vượt quá 40% tổng lượng, còn lại 60% bị thất thoát trong quá trình vận chuyển.

Trong vài năm gần đây, nước ngọt và sạch đã trở thành một vấn đề cấp thiết ở Việt Nam. Tại một số địa phương đã có hiện tượng nước ngọt bị ô nhiễm, nguồn nước ngầm sụt thấp hàng chục mét. Điều đó khiến cho việc cung cấp *nước ngọt, nước sạch* cho nhân dân ở vùng nông thôn rất khó khăn. Cho đến nay, tỷ lệ người dân ở nông thôn được sử dụng nước sạch mới chiếm khoảng 46% (trên phạm vi cả nước là hơn 50%). Trong những năm tới, sự phát triển của các hoạt động kinh tế và dân sinh ở khu vực nông thôn sẽ làm tăng nhu cầu sử dụng tài nguyên này. Theo dự báo của Viện Khí tượng - Thủy văn, lượng nước cần dùng của cả nước vào năm 2010 sẽ chiếm tới 16,5% tổng lượng dòng chảy/ năm (so với 12,5% vào năm 2000) và trong tương lai không xa, ở một số vùng, lượng nước cần dùng sẽ gấp vài lần lượng nước có thể cung cấp. Khi đó, nguy cơ thiếu nước sẽ trở nên rõ ràng và nghiêm trọng hơn.

Hai là, vấn đề ô nhiễm môi trường do tác động của quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn. Tính chất *cực đoan* của các phương tiện, quy trình kỹ thuật và *những mặt trái, hạn chế* của nền nông nghiệp cơ khí hoá, hoá học hoá là nguyên nhân cơ bản gây nên tình trạng ô nhiễm môi trường, đất, nước... Trong năm 2001, riêng khối lượng *nhập* phân bón hoá học là 3.189 ngàn tấn, thuốc trừ sâu và nguyên liệu là 27.572 tấn. Điều nguy hiểm hơn là, do thiếu những tri thức cần thiết về khoa học kỹ thuật, do sự tác động của quy luật lợi nhuận trong cơ chế thị trường..., người nông dân đã lạm dụng các loại hoá chất độc hại như phân vô cơ, thuốc trừ sâu và các chất kích thích tăng trưởng trong sản xuất nông nghiệp, thậm chí cả một số loại hoá chất có độ độc tính cao đã bị cấm nhập. Ở hầu hết các địa phương, nông dân tự mua bán, pha chế, sử dụng và bảo quản thuốc bảo vệ thực vật mà không có sự quản lý,

kiểm soát chặt chẽ và chỉ dẫn cụ thể của cơ quan chuyên môn. Điều đó dẫn đến hậu quả là đất đai, nguồn nước bị ô nhiễm bởi sự khuyếch tán và tồn đọng của nhiều hoá chất độc hại gây khó khăn cho sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt của dân cư; tính đa dạng sinh học bị suy giảm, một số quần thể sinh vật đất và thuỷ sinh có ích bị tiêu diệt, làm xuất hiện các loài sâu hại kháng thuốc và là nguyên nhân bùng phát một số dịch bệnh trong hệ sinh thái nông nghiệp. Đặc biệt, tình trạng trên đã có những ảnh hưởng đối với sức khỏe con người do sinh sống, làm việc trong môi trường ô nhiễm, do tiêu dùng các loại nông sản phẩm có dư lượng hoá chất độc hại vượt giới hạn cho phép...

Sự phục hồi, phát triển của các làng nghề và tiểu thủ công nghiệp ở nông thôn, ngoài mặt tích cực, cũng đang là một nguồn gây ô nhiễm môi trường. Cho đến nay, việc giám sát, quản lý về phương diện môi trường sinh thái đối với hoạt động của các làng nghề, các cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp còn rất lỏng lẻo, nếu không nói là vắng bóng. Theo đánh giá của Bộ Tài nguyên - Môi trường, hiện có tới trên 50% số hộ làm nghề và cơ sở sản xuất ở nông thôn đang gây ô nhiễm môi trường. Chẳng hạn, ở làng nghề Đông Mai (Hưng Yên), hàng năm, việc tái chế chì đã thải trực tiếp vào môi trường khoảng 70 tấn lá cách, 20 tấn axit và 40 tấn các loại chất thải độc hại khác; hàm lượng bụi chì, các chất khí SO₃, NO₂, Mn, Fe... trong khu vực dân cư cao gấp hàng chục lần tiêu chuẩn cho phép. Nguồn nước mặt và một phần hệ thống nước ngầm ở đây đã nhiễm độc trầm trọng, vượt tiêu chuẩn từ 50 - 600 lần. Nhiều người bị nhiễm độc dẫn đến các căn bệnh nguy hiểm, như thần kinh, viêm phổi, đẻ non, quái thai...(5).

Bên cạnh đó, việc xây dựng các cụm công nghiệp vừa và nhỏ được nhiều địa phương tiếp tục triển khai trong khi chưa có quy hoạch. Điều này đang có ảnh hưởng không nhỏ đến môi trường nông thôn và sức khỏe của con người, do chất thải khuyếch tán trên

diện rộng và không được xử lý bằng các biện pháp an toàn. Nếu không tính toán thận trọng, đặc biệt là có những chế tài đủ mạnh buộc các đơn vị sản xuất kinh doanh phải thực hiện nghiêm túc những quy định về môi trường thì có thể những giá trị kinh tế đạt được không đủ bù lấp các thiệt hại về mặt tài nguyên, môi trường. Khi đó, bài toán phát triển chẳng những chưa được giải, mà còn trở nên nan giải, phức tạp hơn và thậm chí, rơi vào tình trạng bế tắc.

Ba là, nguy cơ suy giảm tính đa dạng sinh học chủ yếu do các hoạt động sản xuất và dân sinh. Việc ứng dụng một số tiến bộ khoa học, công nghệ chưa được thẩm định, kiểm nghiệm tác động môi trường; nhập nội một số loài sinh vật lạ khi chưa có sự đánh giá khoa học về mặt sinh học, sinh thái của chúng đã gây ra những hậu quả lớn. Thực tế cho thấy, quá trình "xói mòn" nguồn gen trong nông nghiệp và tình trạng phá huỷ đa dạng hệ sinh thái ... đang xảy ra. Một số dự báo khoa học cho rằng, với tốc độ suy thoái đa dạng sinh học như hiện nay sẽ có nhiều loài sinh vật quý, nhiều nguồn gen có tính trạng tốt có khả năng bị tuyệt chủng; nhiều hệ sinh thái quan trọng đối với môi trường sống sẽ bị phá huỷ.

Sự nảy sinh của các vấn đề về môi trường sống dưới tác động của quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn ở nước ta hiện nay bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân; trong đó, chủ yếu là:

Trước hết, phải nói đến năng lực khoa học, công nghệ trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn còn khá hạn chế. Đặc biệt, phương thức và công cụ sản xuất của các làng nghề, các cơ sở công nghiệp nông thôn còn lạc hậu, thủ công. Tỷ lệ cơ khí hoá của ngành công nghiệp chế biến nông sản mới đạt khoảng 40%, thiết bị cũ, lạc hậu từ 3 - 4 thế hệ; trình độ lao động có chuyên môn kỹ thuật ở các làng nghề nông thôn chỉ bằng 25 - 30%

(5) Xem: Báo Lao Động, ngày 20 - 3 - 2003.

so với các cơ sở ở thành thị, 63% công việc được thực hiện bằng phương pháp thủ công... Thực tế cho thấy, tốc độ tăng trưởng kinh tế cao trên cơ sở hạ tầng kỹ thuật thấp kém tất yếu sẽ tạo nên sức ép lớn đối với tài nguyên, môi trường.

Thứ hai, sự phiến diện, thiếu chặt chẽ và thậm chí sai lầm trong một số chính sách, dự án phát triển kinh tế của các địa phương là một trong những nguyên nhân dẫn đến những hậu quả về môi trường. Phương châm *tăng trưởng kinh tế gắn liền với bảo vệ môi trường* chủ yếu mới được quán triệt về mặt lý thuyết mà chưa trở thành hành động tự giác, phổ biến. Dường như mục tiêu tăng trưởng kinh tế, lợi nhuận tối đa trên đầu tư tối thiểu vẫn được các chủ thể đặt vào vị trí ưu tiên, nếu không nói là duy nhất trong hoạt động sản xuất, kinh doanh. Thực tế, nhiều dự án phát triển kinh tế ở các địa phương, như dự án nuôi tôm công nghiệp trên cát, khai thác tận thu khoáng sản... được phê duyệt, triển khai mà chưa, hoặc không thực hiện nghiêm túc việc đánh giá và thẩm định khoa học về những tác động môi trường. Do vậy, các biện pháp giải quyết những vấn đề môi trường chỉ mang tính khắc phục khi ở vào tình thế sự đã rồi, mà chưa đạt đến cấp độ hành động có tính *chủ động* và *tự giác*. Bên cạnh đó, sự quan tâm của các cấp chính quyền, đoàn thể ở từng địa phương đối với công tác quản lý môi trường còn rất lỏng lẻo, chưa cụ thể; thiếu những cơ chế, văn bản hướng dẫn thực hiện các biện pháp ngăn chặn, xử lý những đối tượng vi phạm.

Thứ ba, sự yếu kém trong ý thức về bảo vệ môi trường của con người cũng là một nguyên nhân cơ bản dẫn đến những vấn đề về môi trường sống của khu vực. Ý thức tôn trọng và thi hành nghiêm chỉnh pháp luật, chính sách và các quy định về bảo vệ môi trường chưa trở thành một nếp sống văn hoá trong các cộng đồng dân cư, nhất là nông dân. Bản thân các chủ thể sản xuất, kinh doanh chưa chủ động và tự giác thực hiện đồng bộ, hiệu quả những giải pháp kỹ

thuật nhằm xử lý chất thải, bảo vệ môi trường sống. Thậm chí, không ít người còn giữ quan niệm sai lầm rằng, chi phí cho các giải pháp bảo đảm an toàn cho môi trường là chi phí không sinh lợi và không cần thiết. Nguy hiểm hơn là nếp nghĩ, nếp làm cũ của họ lại được "hỗ trợ", "tiếp sức" bởi sức mạnh của những phương tiện máy móc, những tiến bộ khoa học, kỹ thuật. Những điều đó đã tạo nên một sự tấn công dữ dội vào tự nhiên vì mục đích mưu sinh, lợi nhuận của con người, để lại những hậu quả khôn lường về môi trường sống.

Công nghiệp hoá, hiện đại hoá được coi là chìa khoá để phát triển nông nghiệp và nông thôn, song nó cũng có mặt trái nhất định. Trước tình hình như vậy, chúng ta cần có sự lựa chọn con đường phát triển như thế nào đây? Để tăng trưởng kinh tế thì phải hy sinh môi trường sống, hoặc là vì mục tiêu bảo vệ môi trường sống mà chấp nhận một sự "phát triển" có hệ số bằng *không* chăng? Rõ ràng, những phương án trên đều không thể là đối tượng của sự lựa chọn tối ưu. Theo chúng tôi, một vấn đề có tính nguyên tắc là, trong khi mưu cầu cho sự tồn tại và phát triển ngày càng tốt hơn của mình, con người cần phải tính đến cả sự tồn tại và phát triển của giới tự nhiên, phải thiết lập và củng cố mối quan hệ hài hoà với tự nhiên. Nói cách khác, muốn không tự huỷ diệt và tiếp tục phát triển, con người phải hướng đến một quan niệm mới về sự phát triển - *phát triển bền vững*. Hạt nhân xuyên suốt, nguyên tắc chủ đạo của quan niệm phát triển bền vững là *sự đồng tiến hoá giữa con người và tự nhiên*. Theo đó, trong quá trình phát triển nông nghiệp, nông thôn theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, cần tập trung:

Một là, "tiếp tục phát triển và đưa nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp lên một trình độ mới bằng ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, nhất là công nghệ sinh học"(6). Trình độ khoa học, công nghệ là yếu

(6) Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.92.

tổ quyết định hiệu quả của việc khai thác, sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên cũng như hiệu quả của việc bảo vệ môi trường. Đối với sản xuất nông nghiệp, xu hướng chung hiện nay là ứng dụng các giải pháp kỹ thuật cao, nhất là những thành tựu của công nghệ sinh học kết hợp với những kinh nghiệm quý của nông dân được đúc kết từ thực tiễn sản xuất. Đó là cơ sở quan trọng cho việc phát triển một nền nông nghiệp bền vững.

Hai là, phát triển nguồn nhân lực là biện pháp nền tảng để thực hiện tăng trưởng kinh tế kết hợp với bảo vệ môi trường sống. Con người không chỉ là lực lượng sản xuất hàng đầu của xã hội, mà còn là *chủ thể* của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Vì thế, phát triển nguồn nhân lực của khu vực nông nghiệp, nông thôn không thuần túy chỉ là phát triển trình độ, năng lực hoạt động kinh tế... mà còn là xây dựng cho con người ý thức đạo đức sinh thái, lối sống “thân thiện”, “hoà hợp” với tự nhiên. Kinh nghiệm của các nước đi trước cũng như của chính chúng ta cho thấy, những tri thức về môi trường chỉ thực sự có ý nghĩa khi nó được xã hội hoá, được quảng bá rộng rãi trong nhân dân, bởi chính họ là những người hàng ngày, hàng giờ “giao tiếp”, quan hệ với tự nhiên. Cho nên, giáo dục môi trường phải được xem là một trong những nội dung cơ bản của mục tiêu nâng cao dân trí. Cần phải làm cho mọi người, nhất là người nông dân có sự nhận thức đúng về môi trường thông qua các hình thức, “kênh” truyền tải khác nhau. Một khi ý thức bảo vệ môi trường của mỗi người, mỗi cộng đồng và toàn xã hội trở thành nguyên tắc sống phổ biến, hoạt động của con người sẽ được điều chỉnh một cách tự giác theo hướng tránh làm tổn hại đến môi trường.

Ba là, cần quán triệt mục tiêu bảo vệ môi trường trong xây dựng, triển khai thực hiện các chính sách, dự án phát triển kinh tế. Chúng ta còn nghèo nên phát triển kinh tế là đặc biệt quan trọng, song không thể đánh

đổi nó bằng những hy sinh, tổn thất về môi trường. Tạo những ưu đãi để thu hút các nhà đầu tư, các dự án phát triển kinh tế là rất cần thiết, nhưng núp dưới danh nghĩa đó để buông lỏng quản lý nhà nước (hay chấp nhận những rủi ro), hoặc dễ dãi trong yêu cầu bảo đảm thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường, coi đó như một “sự ưu đãi”..., lại là một sai lầm và phải trả giá đắt. Những khó khăn về kinh tế của nhiều địa phương cũng như của một bộ phận nông dân hiện nay rất đáng được thông cảm, chia sẻ..., nhưng không thể vì thế mà tiếp tục làm cho chất lượng môi trường thêm xấu đi. Họ cần được Nhà nước và cộng đồng giúp đỡ, hỗ trợ bằng những biện pháp tích cực, có tính căn bản hơn.

Sinh thời, V.I.Lênin đã từng nhắc nhở rằng, những dự định của con người, nếu không tính đến quy luật vĩ đại của tự nhiên, sẽ chỉ mang lại những điều bất hạnh mà thôi. Nhiều nhà khoa học, nhiều tổ chức quốc tế cũng lên tiếng cảnh báo về những hiểm họa môi trường tự nhiên nảy sinh dưới tác động của con người, đặc biệt là những hành động tự phát, thiếu sự định hướng của các tri thức khoa học. Xét đến cùng, đẩy nhanh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp và nông thôn ở nước ta hiện nay là phương thức để “nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, cải thiện đời sống nông dân và dân cư ở nông thôn”(7). Vì thế, “*sử dụng hợp lý và tiết kiệm tài nguyên, bảo vệ và cải thiện môi trường tự nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học*”(8) phải là một mục tiêu căn bản, quan trọng như mục tiêu tăng trưởng kinh tế của quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn. Có như vậy, quá trình này mới thực sự chứng tỏ và phát huy *ý nghĩa kinh tế và xã hội nhân văn to lớn* của nó.□

(7) Đảng Cộng sản Việt Nam. *Sđđ.*, tr. 93.

(8) Đảng Cộng sản Việt Nam. *Sđđ.*, tr.95.